|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Lai Châu, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

# NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông**

**trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

**KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ các Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / / 2022 của Ban , Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

# QUYẾT NGHỊ:

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu..

# 2. Đối tượng áp dụng

# a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

# b) Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** **Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông**

**1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo**

a) Chi thù lao giảng viên, phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ cho giảng viên:Áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND); Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND).

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình; văn phòng phẩm; vật tư thực hành lớp học; in chứng chỉ; thuê hội trường, phòng học;chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê thiết bị; chi tổ chức khai giảng, bế giảng; chi khác (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Mức chi theo hình thức hợp đồng hoặc hóa đơn, chứng từ thực tế.

c) Chi nước uống phục vụ lớp học: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Nghị Quyết số 11/2019/NQ-HĐND.

d) Thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có): Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND).

đ) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Tài liệu: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo).

+ Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ gồm điện, nước, chi phí khác (nếu có), trường hợp thuê chỗ ở cho học viên được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

+ Tiền ăn, đi lại: Đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% tiền ăn, đi lại theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Tài liệu: Hỗ trợ 100% chi phí không bao gồm tài liệu tham khảo cho người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc hộ nghèo, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Đối tượng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ mức hỗ trợ bằng 50%.

+ Chỗ ở, tiền ăn, tiền đi lại: Hỗ trợ 100% đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo và 50% đối với chủ trang trại, tổ viên tổ liên kết, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

e) Chi khảo sát học tập trong và ngoài nước:

- Đối với khảo sát, học tập trong nước: Hỗ trợ tiền ăn, nơi ở thực hiện theo điểm đ, khoản 1 Điều này; thuê phương tiện đưa, đón học viên thực hiện theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

- Chi khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

# 2. Thông tin tuyên truyền

# a) Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông, xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

# b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

# c) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: Hỗ trợ thuê hội trường, hỗ trợ tiền ăn, nước uống, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ, khoản 1 Điều này.

# d) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC, ngày 04/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và các quy định hiện hành của ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Nội dung, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định cụ thể một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

**3. Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông**

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6, Điều 1 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng các loại mô hình theo quy định hiện hành nhưng không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp.

- Chi thù lao cho giảng viên thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều này.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống: Thực hiện theo điểm c, điểm đ, khoản 1, Điều này.

c) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Thực hiện khoản 2 Điều này.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

# 4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

# a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định Khoản 1, Điều này.

# b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Khoản 2, Điều này.

# c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo chứng từ chi tiêu hợp pháp và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

# 5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND.

**6. Nội dung chi khác:**

Nội dung chi và mức chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông; mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông; quản lý nhiệm vụ khuyến nông; các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số [75/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-75-2019-tt-btc-su-dung-kinh-phi-su-nghiep-tu-nguon-ngan-sach-thuc-hien-khuyen-nong-427799.aspx) của Bộ Tài chính.

**Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

# Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

# Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

# 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

# 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

# Điều 6. Hiệu lực thi hành

1.Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;  - Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh uỷ;  - TT. HĐND, UBND, MTTQ tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Sở, ban ngành đoàn thể tỉnh;  - TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Giàng Páo Mỷ** |